

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ BÌNH MINH  
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 68/2024/HS-ST

Ngày: 29 - 10 - 2024

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BÌNH MINH, TỈNH VĨNH LONG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Nguyên Khoa.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Lương Phi Hùng

Ông Sơn Mút.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Tuyết Hồng – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Việt Thái - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 10 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 62/2024/TLST-HS, ngày 03 tháng 10 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 66/2024/QĐXXST-HS, ngày 09 tháng 10 năm 2024 đối với các bị cáo:

**- Bị cáo thứ nhất: Nguyễn Hoàng A**, sinh ngày 19/8/1997, tại tỉnh Vĩnh Long; nơi cư trú: Ấp Đ, xã Đ, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Kim P; vợ, con: Chưa có; tiền sự: Không.

Tiền án: 03 lần

+ Ngày 28/5/2021, bị Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long xử phạt 01 năm tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

+ Ngày 30/9/2021, bị Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long xử phạt 01 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

+ Ngày 08/10/2021, bị Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long xử phạt 01 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Nhân thân:

+ Ngày 01/4/2013, bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã B, tỉnh Vĩnh Long ra quyết định đưa vào trường giáo dưỡng với thời hạn 12 tháng về hành vi trộm cắp tài sản. Đến ngày 01/3/2014 chấp hành xong quyết định.

+ Ngày 30/01/2014, bị Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long xử phạt 01 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Đến ngày 25/9/2015 chấp hành xong bản án.

+ Ngày 25/5/2021, bị Công an thị xã B, tỉnh Vĩnh Long ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính số tiền 1.500.000đ về hành vi trộm cắp tài sản.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 22/7/2024 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

- Bị cáo thứ hai: **Nguyễn Hữu T1**, sinh ngày 14/9/2003, tại tỉnh Vĩnh Long; nơi cư trú: Ấp M, xã M, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Hữu L và bà Trần Thúy P1; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 18/7/2024, bị Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long xử phạt 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Bị cáo bị bắt tạm giam trong vụ án khác từ ngày 18/7/2024 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

- Bị cáo thứ ba: **Liêu Duy L1**, sinh ngày 29/5/2000, tại tỉnh Vĩnh Long; nơi cư trú: Ấp M, xã M, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Liêu Duy L2 (đã chết) và bà Nguyễn Thị T2; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 12/02/2018, bị Công an huyện V, tỉnh Vĩnh Long ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính số tiền 750.000đ về hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 09/8/2024 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

- Bị cáo thứ tư: **Nguyễn Nhựt H**, sinh ngày 15/7/1974, tại tỉnh Vĩnh Long; nơi cư trú: Khóm E, phường C, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long; nghề nghiệp: Mua bán; trình độ học vấn: 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Nhựt V và bà Võ Thị A1 (đã chết); có vợ là Nguyễn Thị Hồng C và 02 người con (lớn sinh năm 1999, nhỏ chết năm 2015); tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: 1. Anh **Nguyễn Hoàng E**, sinh năm 1982 (vắng mặt)

2. Chị **Nguyễn Thị Mỹ C1**, sinh năm 1983 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp Đ, xã Đ, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Anh **Lê Hoàng T3**, sinh năm 1971 (vắng mặt)

Địa chỉ: Khóm B, phường T, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long.

2. Chị **Tạ Thị Mai A2**, sinh năm 1971 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số C, H, Phường F, quận T, thành phố Hồ Chí Minh.

3. Ông **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1963 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp Đ, xã Đ, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Nguyễn Hoàng A và bị cáo Nguyễn Hữu T1 là bạn bè thường sử dụng ma túy chung với nhau. Ngày 20/4/2024 cả hai bàn bạc, rủ nhau đi tìm tài sản của người khác để sở hữu, không người trông coi để lấy trộm bán lấy tiền mua ma túy sử dụng. Khoảng 12 giờ cùng ngày 20/4/2024, T1 điều khiển xe mô tô biển số 54P1 – 5321 chở Hoàng A chạy ngang nhà của anh Nguyễn Hoàng E thuộc ấp Đ, xã Đ, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long thì Hoàng A và T1 nhìn thấy xe mô tô biển số 71S8 – 6900 của anh Hoàng E đang dựng trước sân nhà cặp lộ đèo không có người trông coi, chìa khóa xe cắm trên ổ khóa. T1 nói với Hoàng A “*Có chiếc xe còn cắm chìa khóa sẵn kia*” thì Hoàng A trả lời “*bạn dừng xe lại đi tôi trộm xe này*” thì T1 đồng ý. T1 dừng xe lại cho Hoàng A xuống xe, T1 quay xe lại chạy ra hướng quốc lộ E dừng lại đợi và canh đường cho Hoàng A vào lấy trộm xe, Hoàng A đi bộ vào lấy trộm được xe mô tô biển số 71S8 – 6900 dẫn ra ngoài rồi cùng nhau đem xe đi tìm chỗ bán.

T1 điều khiển xe 54P1 – 5321, Hoàng A điều khiển xe 71S8 – 6900 vừa trộm được đến gần Khu công nghiệp B thì gặp bị cáo Liêu Duy L1 (cũng là bạn bè với Hoàng A và T1) đang đi bán ốc. Hoàng A nói với L1 “*thôi nghỉ bán ốc đi, đi bán xe với tao*”, L1 hỏi “*xe của ai*” Hoàng A trả lời “*xe tao mới trộm được hồi này, đi đi có gì tao chịu*”. L1 biết rõ xe này là do Hoàng A lấy trộm của người khác và đồng ý cùng đi tìm chỗ bán để lấy tiền mua ma túy cùng sử dụng. Lúc này, T1 giao lại xe 54P1 – 5321 cho Hoàng A điều khiển chạy trước, còn L1 điều khiển xe 71S8 – 6900 chở T1 theo sau cùng đến vừa phé liệu của bị cáo Nguyễn Nhựt H ở Khóm E, phường C, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long. Khi đến nơi thì vừa phé liệu đóng cửa, Hoàng A gọi điện thoại gặp Nguyễn Nhựt H và nói “*có chiếc xe muốn bán phé liệu nè lại coi*”. Khoảng 05 phút sau H đi bộ đến thì gặp L1, T1 và Hoàng A. H hỏi Hoàng A “*xe có giấy tờ gì không*” Hoàng anh trả lời “*không, xe tui mới lấy trộm đợ*”, lúc này H đã biết rõ xe này là do Hoàng A trộm cắp của người khác mà vẫn đồng ý mua nhằm mục đích bán lại kiếm lời. H nói với Hoàng A “*vậy tao mua*

400.000đ” thì Hoàng A đồng ý bán. H đi trước dẫn đường để Hoàng A, T1 và L1 đem xe đến vừa phế liệu mới của H (tại nhà ở của H) cách đó khoảng 100m. Hoàng A chở T1, còn L1 chạy xe 71S8 – 6900 đi sau và khi đến nơi, H mở cửa cho L1 chạy xe 71S8 – 6900 vào bên trong vừa phế liệu để cất, H trả trực tiếp cho L1 400.000đ tiền mua xe. Sau đó, Hoàng A lấy 200.000đ mua ma túy về sử dụng chung với T1 và L1, còn lại 200.000đ thì cả ba cùng đi chơi game và tiêu xài hết. Sau khi mua xe mô tô biển số 71S8 – 6900 thì H tháo gỡ các bộ phận của xe ra bán phế liệu.

Theo bản kết luận định giá tài sản số: 08/KL.ĐGTS ngày 29/5/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thị xã B kết luận: Xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu đen, biển số 71S8 – 6900 có giá trị là 2.475.000đ.

Quá trình điều tra đối với những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

+ Đối với anh Lê Hoàng T3: Bị cáo H khai đã bán lóc máy của xe mô tô biển số 71S8-6900 cho anh T3. Phía anh T3 có mua phế liệu của bị cáo H bán theo lô với số lượng lớn nên không xác định trong đó có mua lóc máy của xe mô tô biển số 71S8 – 6900 hay không nên không có căn cứ để xử lý đối với anh T3 về tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có.

+ Đối với chị Nguyễn Thanh T4: Chị T4 sống chung như vợ chồng với bị cáo Nguyễn Nhựt H và không hay biết vụ việc H mua bán xe mô tô biển số 71S8 – 6900 nên không xử lý.

+ Đối với người bán ma túy cho bị cáo Nguyễn Hoàng A: Bị cáo Hoàng A không biết rõ họ tên, địa chỉ cư trú cụ thể nên chưa làm việc được, khi nào Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã B làm rõ được sẽ xử lý sau.

Về xử lý vật chứng trong quá trình điều tra:

+ Đối với 01 khung xe mô tô số RLHHC09047 Y 402516 và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 015598 là của bị hại Nguyễn Hoàng E. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã B đã trả lại cho bị hại.

+ Đối với xe mô tô biển số 54P1 – 5321 và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 0383834 là của ông Nguyễn Văn T (cha ruột bị cáo Nguyễn Hoàng A) mua nhưng chưa làm thủ tục sang tên. Bị cáo Hoàng A lấy xe của ông T chở bị cáo T1 đi lấy trộm tài sản thì ông T không hay biết, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã B đã trả lại cho ông T xe và giấy đăng ký xe.

+ Đối với dàn mũ, yên xe và biển số xe 71S8 – 6900 thì bị cáo H đã tháo gỡ bỏ tại bãi rác thuộc Khóm E, phường C, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long. Cơ quan điều tra đã truy tìm nhưng không tìm thấy.

+ Tiếp tục lưu giữ 34 đoạn File Video được lưu trong một đĩa DVD-R ghi lại quá trình diễn biến sự việc mua bán xe mô tô biển số 71S8 – 6900 giữa Nguyễn Nhựt H với Nguyễn Hoàng A, Nguyễn Hữu T1 và Liêu Duy L1.

Về trách nhiệm dân sự thì bị hại anh Nguyễn Hoàng E cùng vợ là chị Nguyễn Thị Mỹ C1 không có yêu cầu các bị cáo bồi thường và chỉ yêu cầu xử lý hình sự đối với các bị cáo theo luật định.

- Tại Cáo trạng số: 63/CT-VKSBM, ngày 02/10/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long truy tố các bị cáo Nguyễn Hoàng A, Nguyễn Hữu T1 về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017) và truy tố các bị cáo Liêu Duy L1, Nguyễn Nhựt H về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” quy định tại khoản 1 Điều 323 của Bộ luật Hình sự.

- Tại phiên tòa, các bị cáo đều thừa nhận hành vi phạm tội của từng bị cáo theo đúng như nội dung cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố và xin giảm nhẹ hình phạt.

- *Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát đề nghị:*

1. Về tội danh, điều luật áp dụng và mức hình phạt:

1.1. Tuyên các bị cáo Nguyễn Hoàng A, Nguyễn Hữu T1 phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

+ Đối với bị cáo Nguyễn Hoàng A: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; các Điều 17, 38, 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017). Tuyên phạt bị cáo mức án tù từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù.

+ Đối với bị cáo Nguyễn Hữu T1: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51; các Điều 17, 38, 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017). Tuyên phạt bị cáo mức án tù từ 09 tháng đến 01 năm tù.

Áp dụng Điều 56 của Bộ luật Hình sự. Tổng hợp với hình phạt 06 tháng tù về tội “trộm cắp tài sản: tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 47/2024/HS-ST, ngày 18/7/2024 của Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long. Buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung từ 01 năm 03 tháng đến 01 năm 06 tháng tù.

1.2. Tuyên các bị cáo Liêu Duy L1, Nguyễn Nhựt H phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”

+ Đối với bị cáo Liêu Duy L1: Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017). Tuyên phạt bị cáo mức án tù từ 06 tháng đến 09 tháng tù.

+ Đối với bị cáo Nguyễn Nhựt H: Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm i, s khoản 1 Điều 51 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm

2017). Tuyên phạt mức án từ 06 tháng đến 09 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng.

Miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo do hoàn cảnh gia đình khó khăn.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

2.1. Tiếp tục lưu giữ trong hồ sơ vụ án đối với 34 đoạn File Video được lưu trong một đĩa DVD-R ghi lại quá trình diễn biến sự việc mua bán xe mô tô biển số 71S8 – 6900 giữa Nguyễn Nhật H với Nguyễn Hoàng A, Nguyễn Hữu T1 và Liêu Duy L1.

2.2. Buộc các bị cáo Nguyễn Hoàng A, Nguyễn Hữu T1 và Liêu Duy L1 liên đới nộp lại số tiền bán tài sản trộm là 400.000đ để sung quỹ nhà nước.

2.3. Buộc bị cáo Nguyễn Nhật H nộp số tiền thu lợi bất chính là 175.000đ để sung quỹ nhà nước.

3. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không có yêu cầu các bị cáo bồi thường gì thêm nên không đặt ra xem xét.

4. Về án phí: Áp dụng các Điều 135, 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm.

- *Phần tranh luận*: Các bị cáo và Kiểm sát viên không tranh luận. Lời nói sau cùng của các bị cáo là đã biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật và xin giảm nhẹ hình phạt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã B, tỉnh Vĩnh Long và Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi và quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Xét lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra, lời khai bị hại, lời khai người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án và còn phù hợp với vật chứng thu được, kết luận định giá tài sản, các biên bản hoạt động điều tra cùng với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã có đủ căn cứ xác định:

Vào khoảng 12 giờ 30 phút, ngày 20/4/2024, tại khu vực ấp Đ, xã Đ, thị xã B, các bị cáo Nguyễn Hoàng A, Nguyễn Hữu T1 đã lén lút lấy trộm 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu đen, mang biển số 71S8 – 6900 của anh Nguyễn Hoàng E có giá trị là 2.475.000đ. Sau khi lấy trộm được xe, Hoàng A và T1 liền đem đi tìm nơi tiêu thụ và trên đường đi thì cả hai gặp Liêu Duy L1, lúc này Hoàng A rủ L1 cùng tham gia tiêu thụ xe. L1 biết rõ xe này là do Hoàng A trộm cắp mà có nhưng vẫn đồng ý cùng tham gia tiêu thụ với Hoàng A và T1 nhằm mục đích để có tiền mua ma túy sử dụng và tiêu xài chung. Lĩnh trực tiếp điều khiển xe mô tô biển số 71S8 – 6900 đi cùng với Hoàng A và T1 đến bán cho Nguyễn Nhựt H là chủ vừa phế liệu tại Khóm E, phường C, thị xã B. H biết rõ xe mô tô biển số 71S8 – 6900 là do Hoàng A và T1 trộm cắp mà có và đồng ý mua với giá 400.000đ để bán lại kiếm lời. Sau đó, H rẽ xe ra bán phế liệu một phần được số tiền là 175.000đ.

Như vậy, đã có đủ cơ sở để kết luận theo như luận tội của Kiểm sát viên về hành vi của Nguyễn Hoàng A và Nguyễn Hữu T1 đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Hành vi của Liêu Duy L1, Nguyễn Nhựt H phạm vào tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” tội phạm và hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 323 của Bộ luật Hình sự.

[3] Xét hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác mà còn gây mất an ninh, trật tự tại địa phương.

Đối với bị cáo Nguyễn Hoàng A: Có nhân thân xấu, có 03 tiền án nhưng chưa được xóa án tích. Lẽ ra trong quá trình chấp hành xong trở về địa phương, phải biết đặt mình trong khuôn khổ pháp luật, nhưng vẫn tiếp tục trộm cắp tài sản nên lần phạm tội này được xem là tái phạm thuộc tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

Đối với bị cáo Nguyễn Hữu T1: Ngày 20/01/2024, bị cáo T1 lấy trộm tài sản trong vụ án khác và bị khởi tố cầm đi khỏi nơi cư trú. Trong thời gian tại ngoại, chỉ vì muốn nhanh chóng có tiền để mua ma túy sử dụng và tiêu xài nên cùng bị cáo Hoàng A tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp tài sản trong vụ án này.

Đối bị cáo Liêu Duy L1: Bị cáo có 01 tiền sự nhưng khi biết tài sản do hai bị cáo Hoàng A, Hữu T1 lấy trộm mà có nhưng bị cáo lại hợp tác đem đi tiêu thụ chỉ vì mục đích mua ma túy sử dụng.

Đối bị cáo Nguyễn Nhật H: Bị cáo hành nghề thu mua phế liệu nên biết rõ tài sản nào là hợp pháp, nhưng khi biết tài sản do người khác phạm tội mà có và vẫn tiếp nhận thu mua để kiếm lời.

Trong vụ án này, bị cáo Hoàng A và bị cáo T1 cùng thực hiện hành vi trộm cắp tài sản nhưng chưa có sự cấu kết chặt chẽ, chỉ là đồng phạm giản đơn, bị cáo L1 tham gia tiêu thụ tài sản do bị cáo Hoàng A và bị cáo T1 lấy trộm mà có. Do đó, khi quyết định hình phạt tùy theo tính chất, mức độ tham gia phạm tội của từng bị cáo, để xử phạt các bị cáo mức án tương ứng với hành vi phạm tội của từng bị cáo nhằm mục đích răn đe, giáo dục để các bị cáo cải tạo, sửa chữa trở thành người tốt, có ích cho xã hội. Đồng thời, qua đó nhằm đấu tranh, ngăn chặn và phòng ngừa chung cho xã hội.

#### [4] Về tình tiết giảm nhẹ:

Sau khi phạm tội, các bị cáo cũng đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; các bị cáo T1, L1, H phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng và riêng bị cáo L1 có ông ngoại là liệt sĩ nên được xem là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình cho các bị cáo quy định tại Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Ngoài ra, bị cáo H có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; có nơi cư trú rõ ràng; chấp hành tốt chính sách, pháp luật tại địa phương nên có khả năng tự cải tạo, sửa chữa mà không cần phải bắt chấp hành hình phạt tù. Do đó, cho bị cáo được hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách nhất định cũng đủ để răn đe, giáo dục bị cáo quy định tại Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

[5] Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

5.1. Đối với một số vật chứng thu giữ đã được xử lý xong trong quá trình điều tra là phù hợp.

5.2. Đối với 34 đoạn File Video được lưu trong một đĩa DVD-R ghi lại quá trình diễn biến sự việc mua bán xe mô tô biển số 71S8 – 6900 giữa Nguyễn Nhật H với Nguyễn Hoàng A, Nguyễn Hữu T1 và Liêu Duy L1 nên được tiếp tục lưu giữ trong hồ sơ vụ án.

5.3. Đối với số tiền 400.000đ mà các bị cáo Nguyễn Hoàng A, Nguyễn Hữu T1, Liêu Duy L1 bán tài sản lấy trộm có được nên buộc các bị cáo liên đới nộp để sung quỹ nhà nước.

5.3. Buộc bị cáo Nguyễn Nhựt H nộp số tiền thu lợi bất chính 175.000đ. để sung quỹ nhà nước.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không có yêu cầu các bị cáo bồi thường gì thêm nên không xem xét.

[7] Về án phí: Buộc mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm quy định tại Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự và tại điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[8] Đối với những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

8.1. Đối với anh Lê Hoàng T3: Bị cáo H khai đã bán lóc máy của xe mô tô biển số 71S8-6900 cho anh T3. Phía anh T3 có mua phế liệu của bị cáo H bán theo lô với số lượng lớn nên không xác định được trong đó có mua lóc máy của xe mô tô biển số 71S8 – 6900 hay không nên không có căn cứ để xử lý đối với anh T3 về tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có.

8.2. Đối với chị Nguyễn Thanh T4: Sống chung với bị cáo Nguyễn Nhựt H như vợ chồng và không biết vụ việc bị cáo H mua bán xe mô tô biển số 71S8 – 6900 nên không có căn cứ xử lý.

8.3. Đối với người bán ma túy cho bị cáo Nguyễn Hoàng A: Bị cáo Hoàng A không biết rõ họ tên, địa chỉ cư trú cụ thể nên chưa làm việc được, khi nào Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã B làm rõ được sẽ xử lý sau.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Về tội danh, điều luật áp dụng và hình phạt:

1.1. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Hoàng A, Nguyễn Hữu T1 phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; các Điều 17, 38, 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Hoàng A 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù.**

Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam là ngày 22/7/2024.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51; các Điều 17, 38, 56, 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu T1 09 (chín) tháng tù.

Tổng hợp với hình phạt 06 (sáu) tháng tù về tội trộm cắp tài sản tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 47/2024/HS-ST, ngày 18/7/2024 của Tòa án nhân dân thị xã

Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long. Buộc bị cáo **Nguyễn Hữu T1 chấp hành hình phạt chung là 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù.**

Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam trong vụ án khác là ngày 18/7/2024.

**1.2.** Tuyên bố các bị cáo Liêu Duy L1, Nguyễn Nhựt H phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo **Liêu Duy L1 06 (sáu) tháng tù.**

Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam là ngày 09/8/2024.

- Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm i, s khoản 1 Điều 51 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Nhựt H 09 (chín) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo.** Thời gian thử thách là 01 (một) năm 06 (sáu) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 29/10/2024).

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường C, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

**2.** Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 47 của Bộ luật Hình sự.

2.1. Tiếp tục lưu giữ trong hồ sơ vụ án là 34 đoạn File Video được lưu trong một đĩa DVD-R ghi lại quá trình diễn biến sự việc mua bán xe mô tô biển số 71S8 – 6900 giữa Nguyễn Nhựt H với Nguyễn Hoàng A, Nguyễn Hữu T1 và Liêu Duy L1.

2.2. Buộc các bị cáo Nguyễn Hoàng A, Nguyễn Hữu T1, Liêu Duy L1 liên đới nộp số tiền 400.000đ (*bốn trăm nghìn đồng*) để sung quỹ nhà nước.

2.3. Buộc bị cáo Nguyễn Nhựt H nộp số tiền thu lợi bất chính là 175.000đ (*một trăm bảy mươi lăm nghìn đồng*) để sung quỹ nhà nước.

**3.** Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không có yêu cầu các bị cáo bồi thường gì thêm nên không xem xét.

**4.** Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

#### **5. Về quyền kháng cáo:**

Các bị cáo và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết tại nơi cư trú.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

#### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- Sở Tư pháp TVL;
- Phòng hồ sơ CATVL;
- VKS TX Bình Minh;
- CA TX Bình Minh;
- Chi cục THADS TXBM;
- UBND nơi cư trú của bị cáo;
- Bị cáo, Bị hại;
- Người TGTG khác (nếu có);
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Nguyên Khoa**